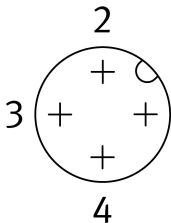
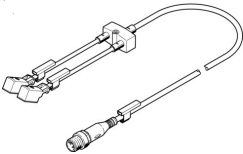


**Bộ phân phối khí**  
**NEDY-L2R1-V1-Z4W2Z-U-0.3L-M12G4-5R**  
Số bộ phận: 8035788

FESTO



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                | Giá trị                                     |
|-----------------------------------------|---------------------------------------------|
| Dựa trên tiêu chuẩn                     | EN 61076-2-101                              |
| Giấy phép                               | Dấu RCM                                     |
| Cấu trúc xây dựng                       | Bộ chia chữ Y với cấp ở cả hai bên          |
| Loại bộ phân phối                       | 2 trên 1                                    |
| Hiển thị trạng thái tín hiệu            | Đèn LED màu vàng                            |
| Chức năng bổ sung                       | Giảm dòng điện hãm                          |
| Tên cấp                                 | với giá đỡ nhãn tên                         |
| Kiểu gắn                                | có lỗ xuyên cho vít M2<br>với phụ kiện      |
| trọng lượng sản phẩm                    | 139 g                                       |
| Cổng nối điện 1, chức năng              | Phía điều khiển                             |
| Cổng nối điện 1, thiết kế               | tròn                                        |
| Cổng nối điện 1, kiểu kết nối           | Giắc cắm                                    |
| Cổng nối điện 1, đầu ra cấp             | thẳng                                       |
| Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối      | M12x1 được mã hóa A theo EN 61076-2-101     |
| Cổng nối điện 1, số chân cắm/dây        | 4                                           |
| Cổng nối điện 1, cực/dây điện được dùng | 3                                           |
| Cổng nối điện 2, chức năng              | Phía thiết bị hiện trường                   |
| Cổng nối điện 2, thiết kế               | góc                                         |
| Cổng nối điện 2, kiểu kết nối           | Ổ cắm 2x                                    |
| Cổng nối điện 2, đầu ra cấp             | được kê góc                                 |
| Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối      | Sơ đồ kết nối ZC, vít hệ mét                |
| Cổng nối điện 2, số cực/dây             | 2                                           |
| Cổng nối điện 2, cực/dây điện được dùng | 2                                           |
| Dải điện áp hoạt động DC                | 20.4 V...27.6 V                             |
| Khả năng tải dòng điện ở 40 ° C         | 1 A                                         |
| Độ chịu điện áp xung                    | 0.8 KV                                      |
| Chiều dài cấp 1                         | 5 m                                         |
| Chiều dài cấp 2                         | 0.3 m                                       |
| Đặc điểm dây dẫn                        | độ phù hợp của máng xích/phù hợp với rô-bốt |

| Đặc tính                                                    | Giá trị                                                                                                                                                                                        |
|-------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Hướng dẫn về đặc điểm dây dẫn                               | Mặc định cho trang thiết bị hiện trường                                                                                                                                                        |
| Dòng điều kiện kiểm tra                                     | Độ bền mỗi khi uốn: theo tiêu chuẩn Festo<br>Điều kiện kiểm tra theo yêu cầu<br>Torsionsfestigkeit: > 300 000 Zyklen, $\pm 270^\circ/0,1$ m<br>Máng xích: > 5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 28 mm |
| Lưu ý về điều kiện kiểm tra đường truyền                    | Đối với tiêu chuẩn về thuộc tính của cáp: Máng xích: 1,5 triệu chu kỳ, bán kính uốn 75 mm, cường độ uốn ngược: theo tiêu chuẩn Festo, điều kiện thử nghiệm theo yêu cầu                        |
| Bán kính uốn 1, định tuyến cáp có thể di chuyển             | 39 mm                                                                                                                                                                                          |
| Bán kính uốn 2, định tuyến cáp có thể di chuyển             | 30 mm                                                                                                                                                                                          |
| Đường kính cáp 1                                            | 3.8 mm                                                                                                                                                                                         |
| Đường kính cáp 2                                            | 2.9 mm                                                                                                                                                                                         |
| Mặt cắt danh định của dây dẫn                               | 0.25 mm <sup>2</sup>                                                                                                                                                                           |
| Mức độ bảo vệ                                               | IP65                                                                                                                                                                                           |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                              | -10 °C...50 °C                                                                                                                                                                                 |
| Lưu ý về nhiệt độ môi trường                                | -10 - 40 °C khi cố định qua lỗ xuyên                                                                                                                                                           |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh với định tuyến cáp linh hoạt | -5 °C...50 °C                                                                                                                                                                                  |
| Nhiệt độ bảo quản                                           | -10 °C...50 °C                                                                                                                                                                                 |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)                         | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                                                                                            |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)                       | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS                                                                                                                                          |
| Tuân thủ LABS                                               | VDMA24364-B2-L                                                                                                                                                                                 |
| Ghi chú vật liệu                                            | Tuân thủ RoHS                                                                                                                                                                                  |
| mức độ ô nhiễm                                              | 3                                                                                                                                                                                              |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                        | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                                                                         |
| Vật liệu vỏ bọc cáp                                         | TPE-U(PUR)                                                                                                                                                                                     |
| Màu vỏ cáp                                                  | xám                                                                                                                                                                                            |
| Vật liệu vỏ                                                 | PA<br>TPE-U(PUR)                                                                                                                                                                               |
| nhà màu                                                     | màu đen                                                                                                                                                                                        |
| Vật liệu của phốt                                           | NBR<br>TPE-O                                                                                                                                                                                   |
| Vật liệu các tiếp điểm phích cắm                            | Hợp kim đồng mạ vàng<br>Hợp kim đồng tráng thiếc                                                                                                                                               |
| Vật liệu ống nối có ren                                     | Đồng thau mạ niken                                                                                                                                                                             |